

Bản tin chứng khoán

Trong số này

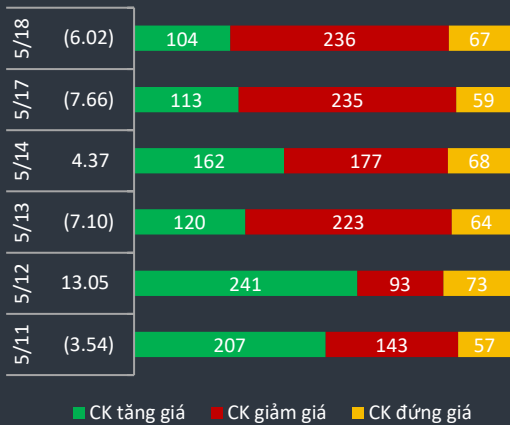
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

STB		34.9
DHC		26.6
HSG		24.1
LPB		14.4
GMD		11.9
FUEVFVND		10.8
ACV		10.7
SAB		8.9
TSC		7.8
VEA		7.4
DGW		5.3
BID	(39.2)	
GAS	(54.5)	
KBC	(54.9)	
VCB	(62.0)	
PLX	(64.5)	
VND	(87.3)	
VNM	(88.0)	
VIC	(125.4)	
VPB	(136.2)	

Thị trường cảm cự phiên sáng khá tốt nhưng sau đó yếu dần và chỉ số Vnindex tiếp tục giảm thêm 6 điểm trong ngày. Thanh khoản chung của sàn HOSE đạt khoảng 19,630 tỷ đồng, vẫn ở mức cao so với các phiên trước đó. Một số thông tin bên lề cho biết một số công ty chứng khoán lớn hạ tỷ lệ margin và có thể nguyên nhân này làm ảnh hưởng đến dòng tiền chung của thị trường. Nhà đầu tư có xu hướng bán ra nhiều hơn là mua vào vì vậy làm đa số cổ phiếu bị điều chỉnh với số mã giảm gấp đôi số mã tăng trong ngày.

Những bluechip hàng đầu như VIC, VRE, VIB, GVR nằm trong nhóm giảm sâu nhất vì vậy cũng tác động phần nào đến chỉ số Index. Nhóm ngành đi ngược thị trường trong ngày là nhóm thép với nhiều cổ phiếu lớn tăng mạnh như HPG, HSG, NKG, SMC, TLH ... Những phiên trước nhóm cổ phiếu đã hạ nhiệt và giảm từ 7% - 10% vì vậy việc hồi phục là tất yếu. Nhóm doanh nghiệp ngành này vẫn kinh doanh tốt nhất trong kỳ kinh doanh quý 1 và cả quý 2 năm nay vì vậy giá cổ phiếu sẽ còn tiếp tục kỳ vọng đạt các mốc đỉnh mới.

Vừa qua tập đoàn Hòa Phát thông báo ngày 1/6 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức 2020. Theo đó, doanh nghiệp sẽ chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 5%, 1 cổ phiếu được nhận 500 đồng. Đồng thời, HPG sẽ chia cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 35%, 20 cổ phiếu được nhận 7 cổ phiếu mới. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm gần 1,16 tỷ cổ phiếu, vốn điều lệ Hòa Phát dự kiến tăng lên 44.726 tỷ đồng. Năm 2021, Hòa Phát đặt mục tiêu doanh thu 120.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế mục tiêu đạt 18.000 tỷ đồng, tăng 33% so với thực hiện năm trước. Quý I năm nay, tập đoàn đạt 31.177 tỷ đồng doanh thu, tăng 62% và thực hiện 26% kế hoạch năm; 7.006 tỷ đồng lãi sau thuế, gấp 3 lần cùng kỳ năm trước và thực hiện 39% kế hoạch năm.

Một doanh nghiệp thép khác là NKG cũng kỳ vọng đạt kết quả kinh doanh quả quan quý 2 với doanh thu và LNST của công ty sẽ đạt 6.000 tỷ đồng và 500 tỷ đồng. Hiện tại giá HRC giao trong quý 3 đã vượt mức 1.000 USD/tấn. Trong bối cảnh giá HRC tăng mạnh, lượng hàng tồn kho nhiều doanh nghiệp thép tăng lên vào cuối quý 1 có thể thúc đẩy biên lợi nhuận gộp gia tăng thêm từ quý 2 trở đi.

Vnindex 1,252.68

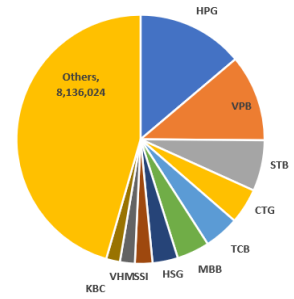
▼ -6.02 (-0.48%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
STB	27.3	1,350	5.20
NVL	141.7	4,100	2.98
HPG	63.4	1,500	2.42
VPB	67.2	1,400	2.13
FPT	87.0	1,300	1.52
MBB	33.3	400	1.22
TCB	48.4	500	1.04
MSN	105.1	900	0.86
REE	55.5	300	0.54
MWG	141.7	200	0.14
PLX	54.0	-	-
DHG	96.0	-	-
BCM	54.0	-	-
PDR	70.1	(100)	(0.14)
VNM	87.0	(200)	(0.23)
SAB	154.0	(500)	(0.32)
CTG	46.6	(200)	(0.43)
PNJ	93.5	(500)	(0.53)
SSI	35.3	(200)	(0.56)
GAS	82.0	(500)	(0.61)
ACB	36.3	(300)	(0.82)
VJC	113.0	(1,000)	(0.88)
HVN	27.1	(250)	(0.91)
BVH	54.0	(600)	(1.10)
POW	12.0	(150)	(1.23)
VCB	94.6	(1,400)	(1.46)
TPB	32.1	(500)	(1.53)
HDB	30.6	(550)	(1.77)
VHM	98.9	(1,900)	(1.88)
BID	40.9	(900)	(2.15)
GVR	24.8	(550)	(2.17)
VRE	30.0	(700)	(2.28)
VIC	121.0	(3,000)	(2.42)
VIB	58.6	(2,400)	(3.93)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Chỉ số Vnindex hai ngày đầu tuần đã điều chỉnh gần 14 ngaytaji vùng đỉnh gần 1270. Nhịp điều chỉnh này mang yếu tố kỹ thuật nhiều hơn và cũng một phần nguyên nhân có thể do sự lo ngại kỳ đáo hạn phái sinh sẽ diễn ra vào cuối tuần sắp đến. Thị trường vẫn dao động trong biên độ từ 1230 – 1270 theo hướng tịnh tiến đi lên vì vậy các nhịp giảm là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu giá rẻ. Chúng tôi tiếp tục ưu tiên nắm giữ nhóm cổ phiếu ngân hàng, thép, phân phối trong giai đoạn hiện tại với các cổ phiếu đầu ngành như CTG, VPB, TCB, STB, OCB, ABB, NKG, HPG, HSG, PET, DGW.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	31.2	(1.1)	17	23	Nắm giữ. Mục tiêu 37	3/3/2021	64.2%
CTG	46.6	5.3	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 55	2/3/2021	33.5%
OCB	24.6		18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 28	2/3/2021	17.1%
HPG	63.4	2.3	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 70	2/3/2021	51.0%
MWG	141.7	3.1	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	11.1%
STB	27.3	10.8	15	22	Nắm giữ. Mục tiêu 32	2/3/2021	51.7%
DIG	27.1	(2.2)	30	38	Nắm giữ. Mục tiêu 35	3/22/2021	-8.1%
D2D	53.5	(0.2)	52	65	Mua quanh 52-53. Mục tiêu 65	5/4/2021	2.9%
SZC	34.5	(0.9)	32	44	Mua quanh 33-34. Mục tiêu 40	5/4/2021	3.0%
PET	20.2	(7.8)	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	2.5%
KBC	32.3	(10.0)	32	46	Nắm giữ	5/4/2021	-12.7%
PNJ	96.0	(0.5)	75	90	Chốt lãi	2/3/2021	15.8%
MBB	33.3	1.8	20	27	Chốt lãi quanh 33-35	2/3/2021	37.0%
FPT	87.0	2.1	55	75	Chốt lãi	2/3/2021	24.3%
VPB	67.2	6.7	30	40	Chốt lãi	2/3/2021	89.3%
HSG	38.5	1.9	18	28	Chốt lãi	2/3/2021	61.1%
DGW	130.0	8.1	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

Chốt lời

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

YBM	3.88
YBM	3.88
SMC	3.92
HCD	4.04
DGW	4.11
TLH	4.34
PVD	5.05
STB	5.20
QBS	5.26
SGT	5.33
SHI	5.47
VIS	6.81
KMR	6.82
VPG	6.90
BMI	6.96
KSH	14.81

Top tăng giá HNX

ACM	5.88
LUT	6.25
TTL	6.67
MBS	7.41
FID	7.69
MPT	7.69
HTP	7.91
KVC	8.11
LCS	8.11
TTZ	8.33
PVL	8.57
VIG	9.09
TTH	9.09
MHL	9.30
LDP	9.30
HHG	9.76
KHB	14.81

HPG - CTCP Tập đoàn Hòa Phát - Ngày 31/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 01/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt và cổ phiếu với tỷ lệ tổng cộng 40%. Trong đó, cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 11/6/2021 và cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ 35%.

CNG - Công ty cổ phần CNG Việt Nam - Năm 2021 với giá định giá dầu 45 USD/thùng và tỷ giá là 23.500 đồng/USD, doanh nghiệp đặt ra kế hoạch tổng sản lượng CNG là 243 triệu SM3. Bên cạnh đó, dự kiến tổng doanh thu là 2.371,34 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 60,08 tỷ đồng, lần lượt tăng 0,9% và giảm 8,1% so với thực hiện trong năm 2021.

TDM - Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một - Sẽ nhận 2 triệu cổ phiếu tại CTCP Cấp nước Gia Tân, tương ứng 20% vốn điều lệ từ CTCP Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước với giá chuyển nhượng 14.275 đồng/cổ phiếu, tương ứng 28,55 tỷ đồng. Thời gian hiệu lực ngay khi hai bên ký hợp đồng.

VNM - CTCP Sữa Việt Nam - Vinamilk - Ngày 13/5, HĐQT đã thông qua đơn từ nhiệm chức vụ Giám đốc Marketing của ông Phan Minh Tiên.

VCG - Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam – Vinaconex – Đã thông qua việc sử dụng hơn 36,2 triệu cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 9%. Thời gian thực hiện dự kiến từ quý II đến quý III/2021.

DPR - CTCP Cao su Đồng Phú – Đã thông qua phương án bán toàn bộ hơn 2,87 triệu cổ phiếu quỹ hiện có theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh, với giá không thấp hơn 45.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý II/2021.

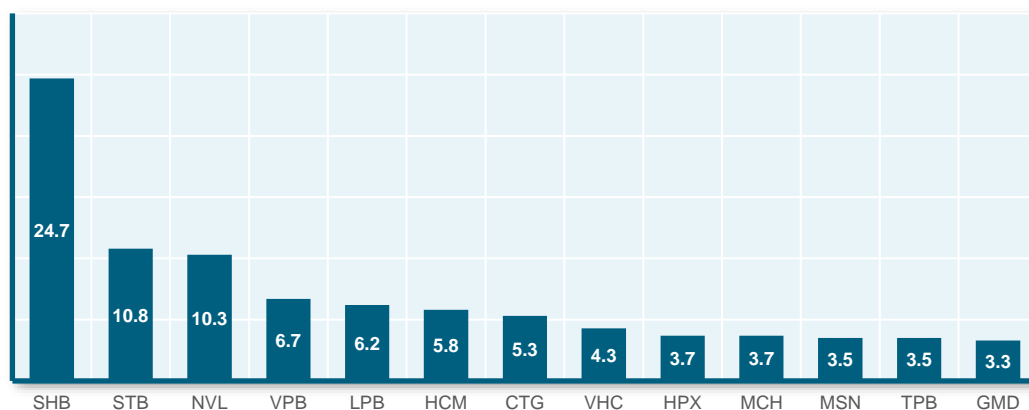
FPT - CTCP FPT – Đã thông qua thời điểm chốt danh sách cổ đông trả cổ tức còn lại năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10% và bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 15% vào ngày 02/6/2021 tới đây.

UIC - CTCP Đầu tư phát triển nhà và Đô thị IDICO - Ngày 28/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức còn lại năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 31/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/6/2021.

BII - CTCP Louis Holdings – Đã thông qua chủ trương thoái vốn 100% tại Công ty TNHH Goldens Resource, với giá không thấp 90 tỷ đồng. Liên quan đến BII, ông Đỗ Thành Nhân - Ủy viên HĐQT của BII đăng ký mua 4 triệu cổ phiếu BII từ ngày 19/5 đến 16/6 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Hiện tại, ông Nhân đang nắm giữ hơn 7,95 triệu cổ phiếu BII, tỷ lệ 13,79%.

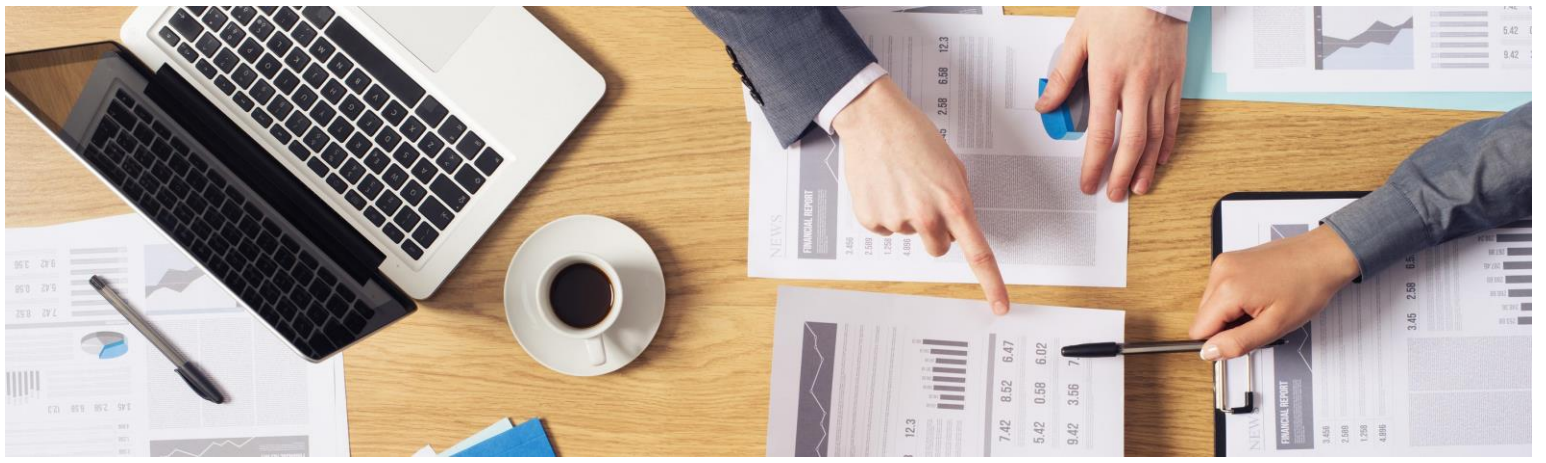


Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

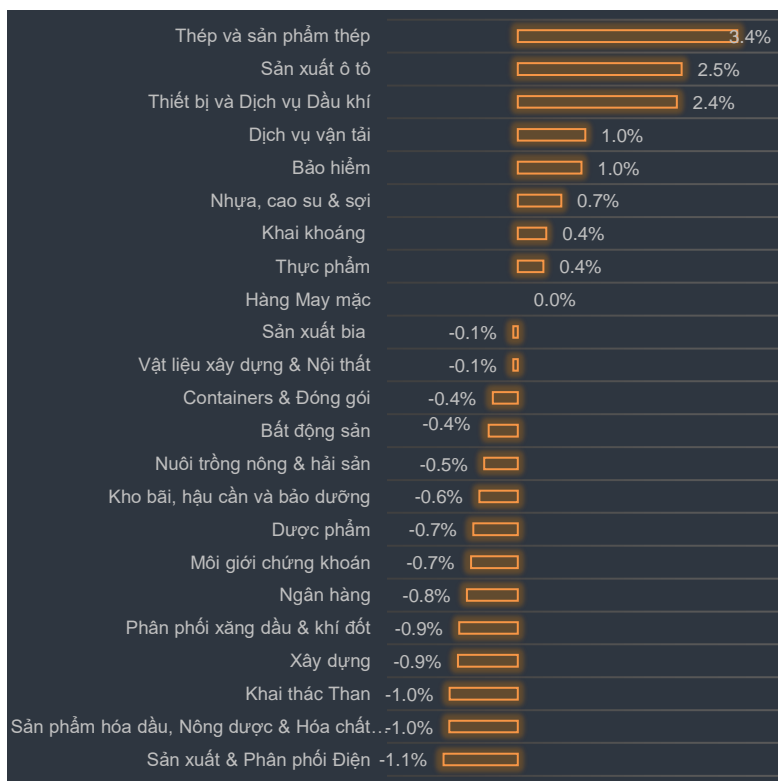
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	18.3	3,279,691	8.3	1.1	-	-	10,455	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	36.3	7,881,100	8.2	2.1	-	-	78,356	30.00	4,419	17,547
BAB	HNX	25.2	29,500	26.8	2.1	-	-	17,854	-	939	12,064
BID	HOSE	40.9	3,903,100	19.4	2.0	3,300	955,800	164,501	16.72	2,103	20,453
CTG	HOSE	46.6	17,653,600	9.8	1.9	1,603,700	2,260,500	173,324	25.47	4,761	24,665
EIB	HOSE	26.0	748,200	36.5	1.9	-	26,200	31,965	29.83	713	13,822
HDB	HOSE	30.6	7,207,100	7.5	1.8	2,167,000	2,018,500	48,769	17.80	4,066	16,572
LPB	UPCOM	23.0	20,104,900	10.3	1.6	828,000	190,700	24,717	4.46	2,239	14,059
MBB	HOSE	33.3	23,037,800	8.5	1.7	982,300	1,026,700	93,199	22.75	3,912	19,196
MSB	HOSE	23.0	6,124,600	9.4	1.5	-	5,900	26,611	30.00	2,436	15,368
NVB	HNX	17.2	5,617,009	-	1.6	-	35,500	6,997	8.73	27	10,532
OCB	HOSE	24.6	3,424,600	7.4	1.5	13,700	62,000	26,905	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	29.3	24,267,707	14.6	2.0	11,100	6,100	51,290	3.94	2,013	14,631
SSB	HOSE	31.5	3,096,400	23.7	2.7	-	-	38,075	-	1,331	11,769
STB	HOSE	27.3	44,745,200	18.3	1.7	2,177,900	854,000	49,240	12.20	1,495	16,485
TCB	HOSE	48.4	16,910,000	11.9	2.1	-	-	169,462	23.00	4,074	22,566
TPB	HOSE	32.1	6,628,100	7.4	1.8	200,900	200,000	33,116	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	94.6	2,103,400	16.6	3.5	138,000	790,300	350,860	23.33	5,708	27,234
VIB	HOSE	58.6	2,193,900	11.1	3.4	1,700	10,900	65,010	20.98	5,297	17,420
VPB	HOSE	67.2	30,645,700	14.5	2.9	120,000	2,184,900	164,959	23.00	4,628	22,811
			229,601,607	14.21	2.05	8,247,600	10,628,000	1,625,666		3,004	17,388



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CST	UPCoM	9/6/2021	10/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SIV	UPCoM	4/6/2021	7/6/2021	21/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	NDC	UPCoM	3/6/2021	4/6/2021	23/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SMC	HOSE	3/6/2021	4/6/2021	18/05/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CLW	HOSE	2/6/2021	3/6/2021	19/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TC6	HNX	1/6/2021	2/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	CMD	UPCoM	1/6/2021	2/6/2021	15/06/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	GDW	HNX	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	UIC	HOSE	28/05/2021	31/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	DTT	HOSE	28/05/2021	31/05/2021	20/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	DPC	HNX	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	PTP	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	11/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	TOT	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	KGM	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	7/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 830 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	CTW	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 688 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	HPU	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	NTH	HNX	27/05/2021	28/05/2021	16/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	VHL	HNX	27/05/2021	28/05/2021	6/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	APF	UPCoM	27/05/2021	28/05/2021	11/6/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 3,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	PHN	HNX	26/05/2021	27/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PHN	HNX	26/05/2021	27/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	BMN	UPCoM	25/05/2021	26/05/2021	18/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	CMK	UPCoM	25/05/2021	26/05/2021	14/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	PEN	HNX	25/05/2021	26/05/2021	24/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	IBD	UPCoM	25/05/2021	26/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 201 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	EVE	HOSE	24/05/2021	25/05/2021	2/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	HNI	UPCoM	24/05/2021	25/05/2021	7/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	TNP	UPCoM	24/05/2021	25/05/2021	4/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: PVL, PV2, CSC

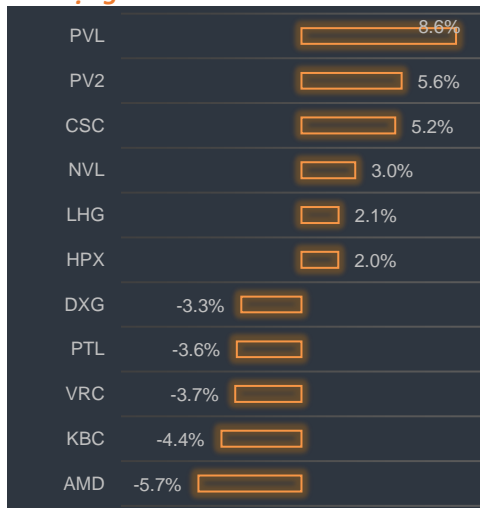
Xây dựng: SD2, TTL, LUT

Dầu khí: PVD, PVS, PGC

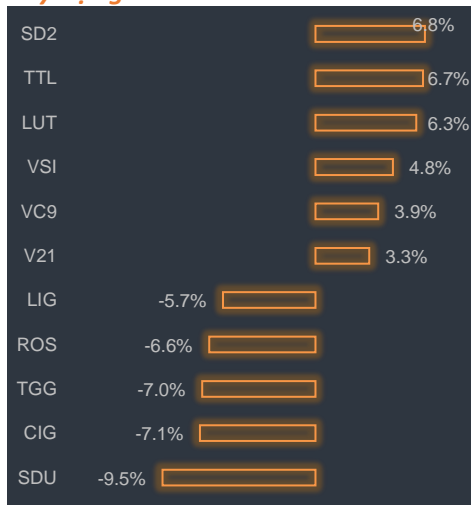
Chứng khoán: VIG, MBS, FTS

Ngân hàng: STB, VPB, MBB

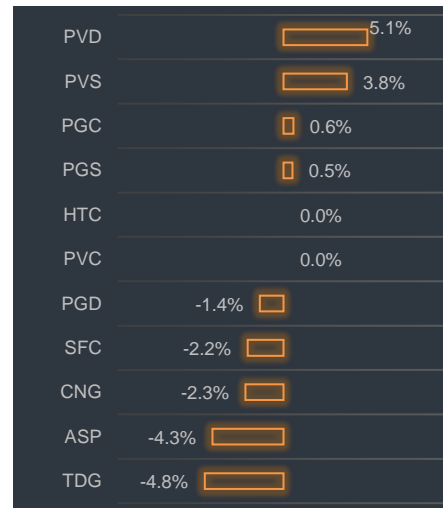
Bất động sản



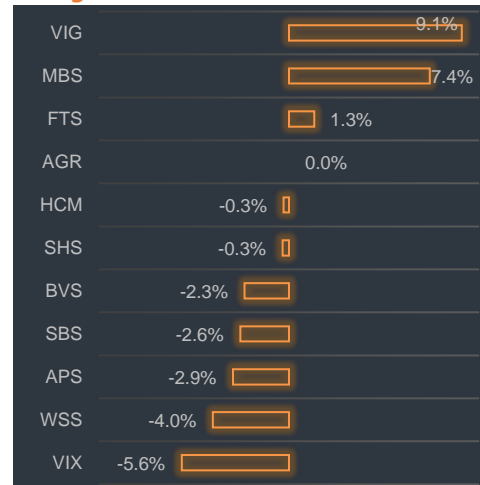
Xây dựng



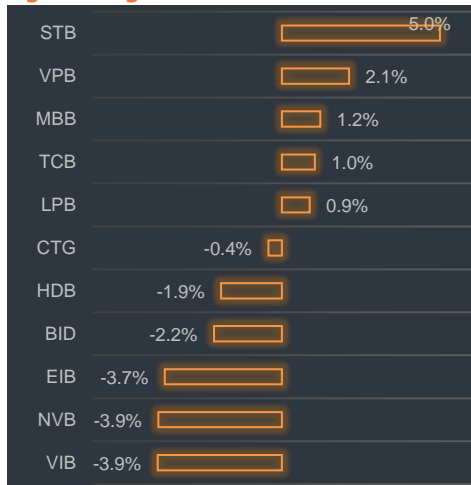
Dầu khí



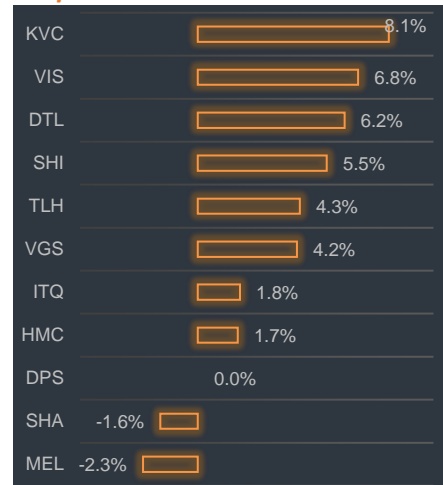
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép



Tổng hợp kế hoạch kinh doanh nhóm ngân hàng

Cổ phiếu	Kế hoạch 2021	VDL (tỷ VND)	LN 2020 (tỷ VND)	EPS	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi Nhuận 2020.Q1	yoy
BID	Tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, dự kiến tăng trưởng 12%-15%. Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2021 của BIDV dự kiến tăng trưởng 10%-12%; tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến đạt 13.000 tỷ đồng, tăng hơn 40% so với năm 2020. Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12,2%	40,220	9,026	2,137	3,250	1,814	79%
CTG	Kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng 6-12%, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư phù hợp với sử dụng vốn dự kiến 8-12%. năm 2021, Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận từ 10 - 20%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. VietinBank lấy ý kiến cổ đông tăng vốn điều lệ lên 48.000 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ gần 28,8%	37,234	17,085	4,640	7,500	2,974	152%
VCB	Vietcombank được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 10,5% và có thể tăng khoảng 14%, cao nhất trong khối ngân hàng quốc doanh (chỉ khoảng 6 - 7,5%). Kế hoạch LN trước thuế năm 2021 khoảng 25,200 tỷ	37,089	23,050	5,354	7,000	5,223	34%
TCB	Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm nay là 19.800 tỷ đồng, tăng 25,3% so với kết quả năm 2020. Dư nợ tín dụng dự kiến đạt gần 356.200 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 12%. Giá trị huy động vốn (bao gồm chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng cá nhân) dự kiến đạt 334.291 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 14,7%.	35,049	15,800	4,264	6,000	3,121	92%
MBB	Năm 2021, MB đặt mục tiêu tăng lợi nhuận 25 – 30%, tương đương 14.610 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ tại thời điểm cuối quý 1 khoảng 1,14%, so với mức 1,46% cùng kỳ. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu gần 150% (tức là 100 đồng nợ xấu thì ngân hàng dự phòng gần 150 đồng).	27,988	10,688	3,742	4,600	2,196	109%
VPB	Thương vụ thoái vốn khỏi FE Credit của VPBank có thể được hoàn thành trong nửa đầu trong năm 2021 với mức định giá cổ phiếu vào khoảng 3 - 4 lần giá trị sổ sách. Việc bán 49% vốn tại FE Credit sẽ mang về khoản lãi sau thuế 21.000 tỷ đồng. Số tiền này không được ghi nhận như một khoản thu nhập trong kết quả kinh doanh nhưng sẽ làm gia tăng nguồn vốn tự có và giảm chi phí vốn bình quân cho VPBank.	25,300	13,019	4,461	4,000	2,911	37%
ACB	ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 9% và tăng vốn điều lệ lên 27.019 tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. tổng tài sản tăng 10%, tiền gửi khách hàng và tín dụng đều tăng 9%. Lợi nhuận sau thuế dự kiến là 8.482 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.	21,616	9,596	3,986	3,100	1,925	61%

HDB	HDBank (HDB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 7.281 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước. Tổng tài sản dự kiến tăng 25% đạt 399.320 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng tăng 26% đạt 236.758 tỷ đồng, và tổng huy động vốn tăng 25% lên 359.851 tỷ đồng. Ngân hàng cũng trình kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm hơn 4.200 qua chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Ngân hàng sẽ trình xin ý kiến các cổ đông về việc chấm dứt việc sáp nhập với PGBank	16,088	5,818	3,042	1,550	1,251	24%
SSB	SeABank (SSB) đặt mục tiêu lãi trước thuế 2.414 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản đến cuối năm lên kế hoạch tăng 10%, đạt 198.229 tỷ đồng. Huy động tiền gửi của khách hàng ở mức 124.277 tỷ đồng, dư nợ cho vay khách 122.978 tỷ đồng, lần lượt tăng 9,7% và 13%. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến duy trì dưới 3%.	12,087	1,729	1,402	698	309	126%
MSB	kế hoạch kinh doanh năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt 3.280 tỷ đồng, tăng 30%. Tổng tài sản tính đến cuối năm 2021 mục tiêu đạt 190.000 tỷ đồng, tăng 8%. Trong đó, dư nợ tín dụng đạt 106.208 tỷ đồng, tăng 125%. Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn đạt 114.105 tỷ đồng, tăng 15%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.	11,750	2,523	2,338	1,200	290	314%
VIB	VIB đặt kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản 26%, đưa tài sản của ngân hàng lên trên 300.000 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng lên 225.000 tỷ đồng, tương đương 31%. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 29%, lên trên 7.500 tỷ đồng. VIB dự kiến tăng vốn bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu 40% và dự kiến phát hành chào bán cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau các phương án tăng vốn này là khoảng 16.000 tỷ đồng,	11,094	5,803	4,706	1,800	1,075	67%
OCB	Ngân hàng xác định mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản khoảng 25% và lợi nhuận tăng 30% khoảng trên 5700 tỷ. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 20%. Tiếp tục bán vốn cho NĐTNN. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại OCB là 20,13% trong khi room ngoại của ngân hàng đang được khoá ở ngưỡng 22%.	10,959	4,419	3,349	1,275	1,107	15%
TPB	TPBank (HoSE: TPB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 5.500 tỷ đồng, tăng 25% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản lên kế hoạch tăng 21% ở mức 250.000 tỷ đồng. Tổng huy động đặt mục tiêu tăng 20% lên 221.893 tỷ đồng. Dự nợ cho vay và trái phiếu tổ chức kinh tế lên mục tiêu tăng 25% lên 165.434 tỷ đồng, tùy thuộc vào mức Ngân hàng Nhà nước cho phép. Tỷ lệ nợ xấu kế hoạch duy trì dưới 2%.	10,717	4,389	3,568	1,400	1,009	39%

EPS: Cập nhật đến Q1.2021



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931